

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 12,000 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0% | 0% | -0.8% |

| | |
|-----------------------|----------------|
| Sàn giao dịch | HNX |
| Khoảng giá 52 tuần | 9,100 - 12,100 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 60 |
| Số lượng CPLH (CP) | 4,986,124 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 5 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.1% |
| Beta | (0.24) |
| EPS | -214 |
| P/E | -56.1 |

DT thuần

Q1/24

3.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.03 | 42.5%

YoY: ▼ 1.12 | -24.5%

LN trước thuế

Q1/24

-1.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.90 | -693%

YoY: ▼ 1.26 | -548%

LN sau thuế

Q1/24

-1.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.74 | -255%

YoY: ▼ 1.22 | -642%

ROA

2023

0.2%

+/- YoY: ▼ 3.7%

DT thuần

2023

17.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 34.9 | -66.9%

LN trước thuế

2023

0.42

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.94 | -90.3%

LN sau thuế

2023

0.15

tỷ VNĐ

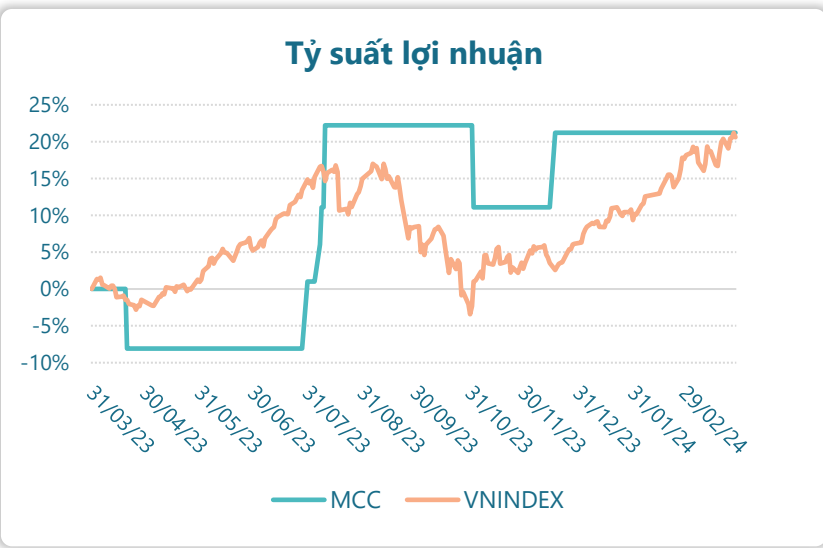
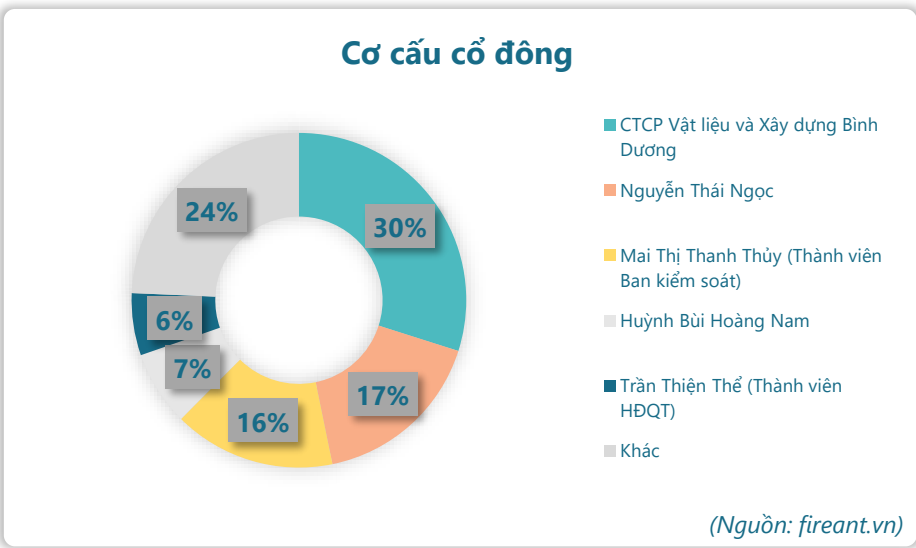
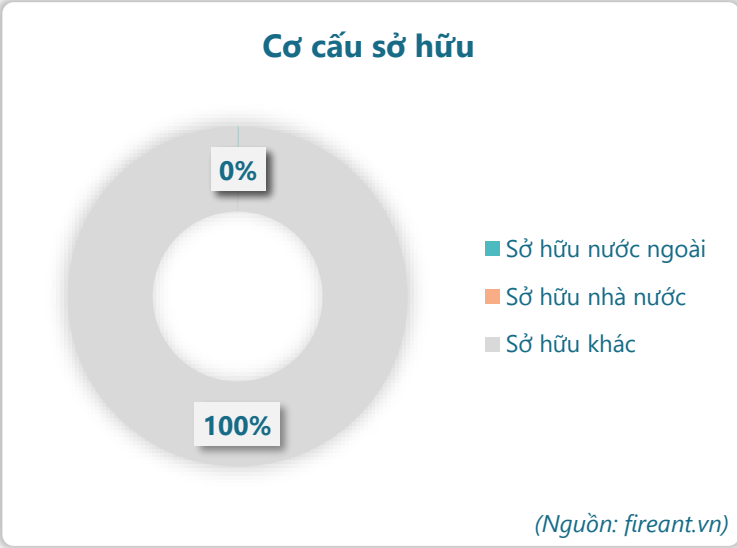
YoY: ▼ 3.34 | -95.6%

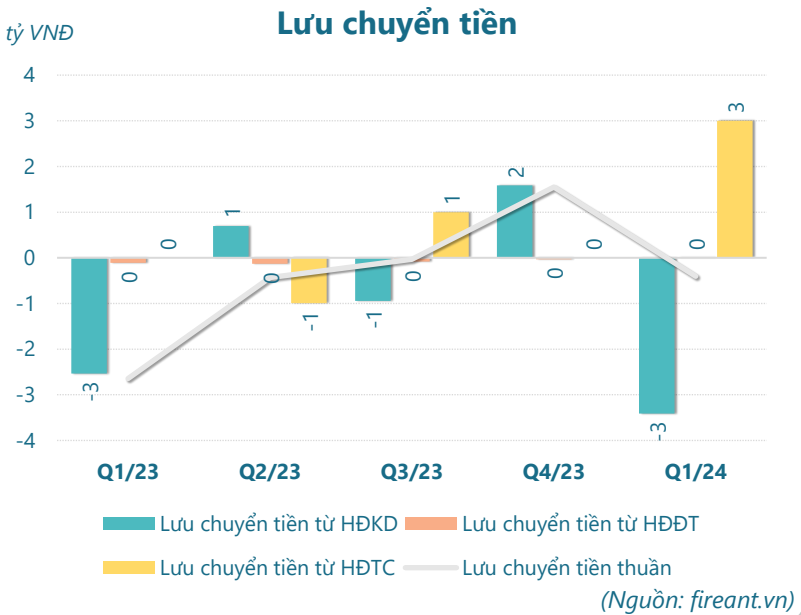
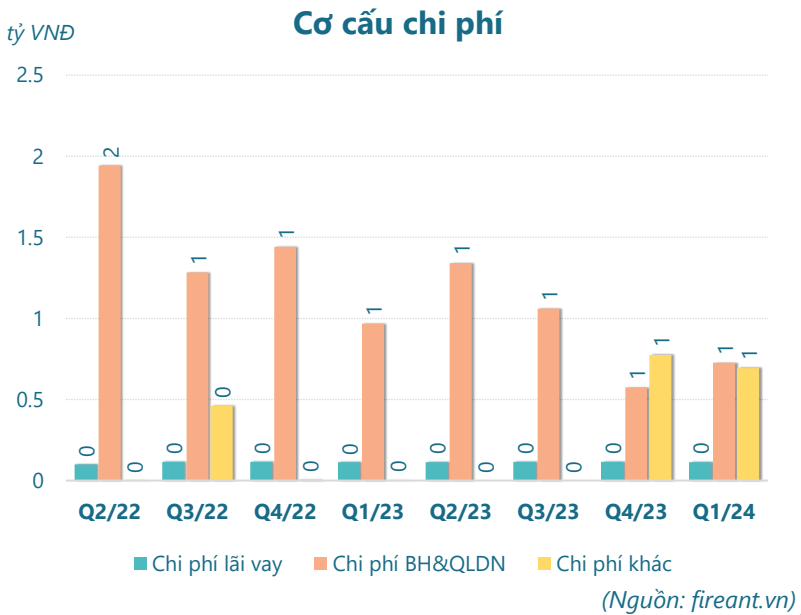
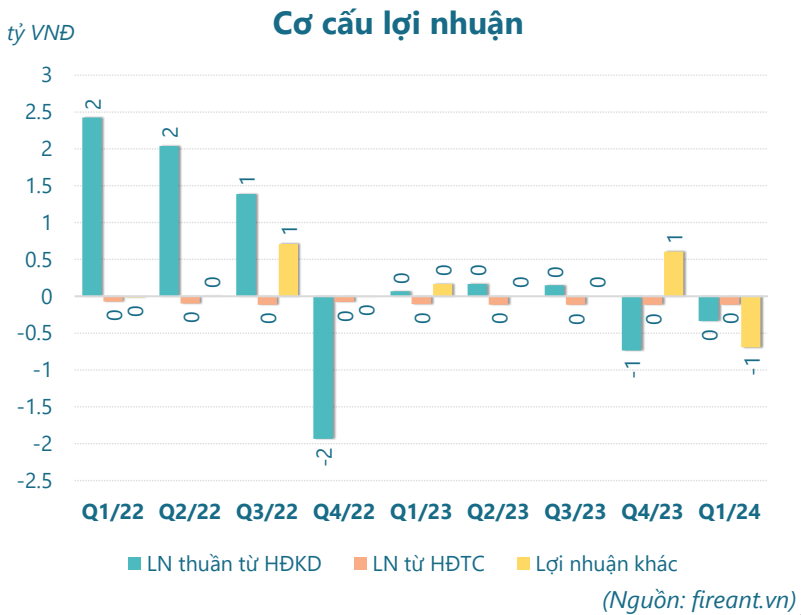
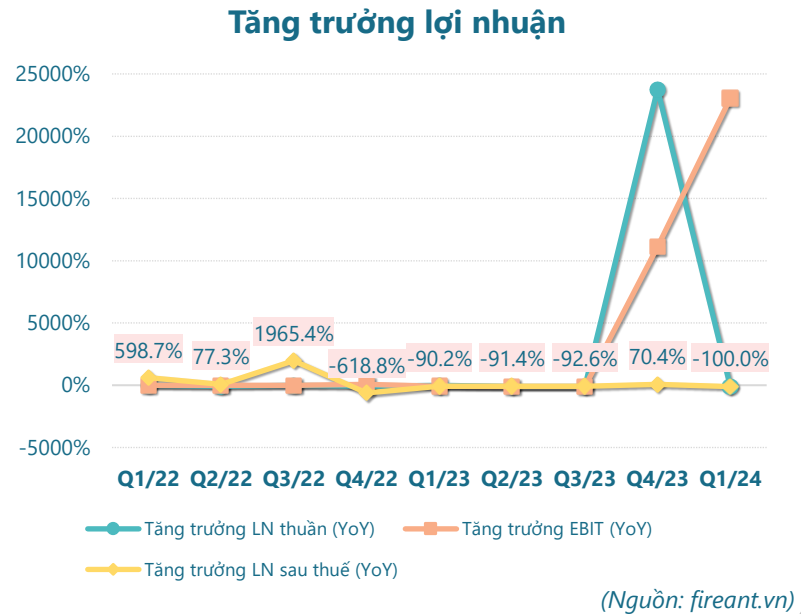
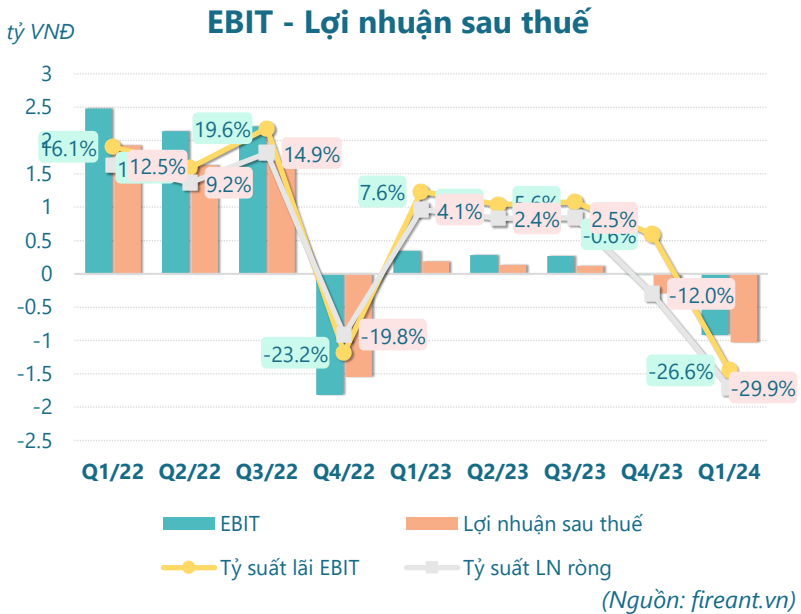
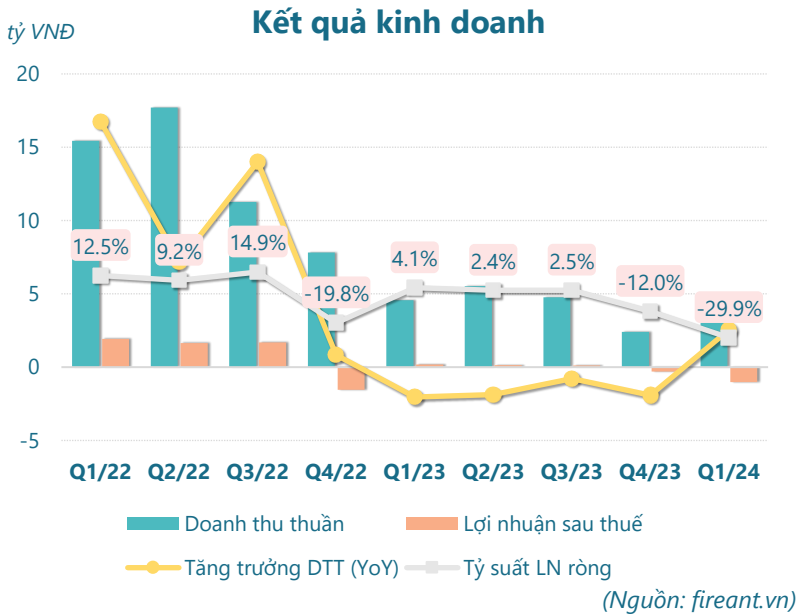
ROE

2023

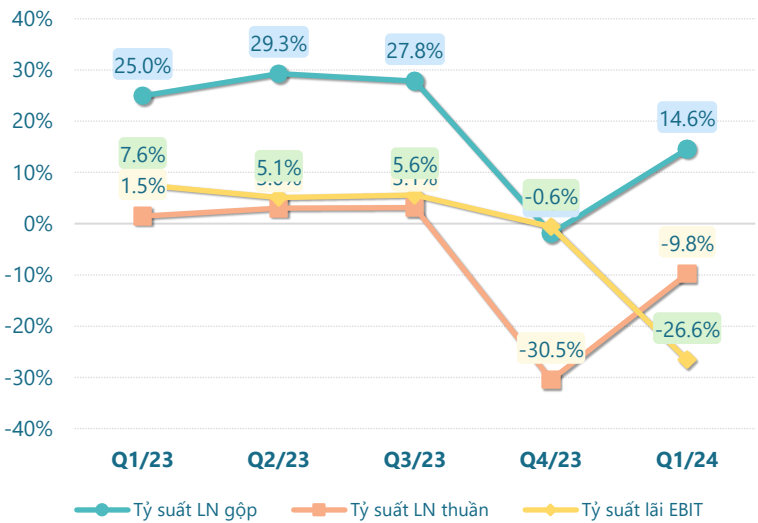
0.2%

+/- YoY: ▼ 4.7%



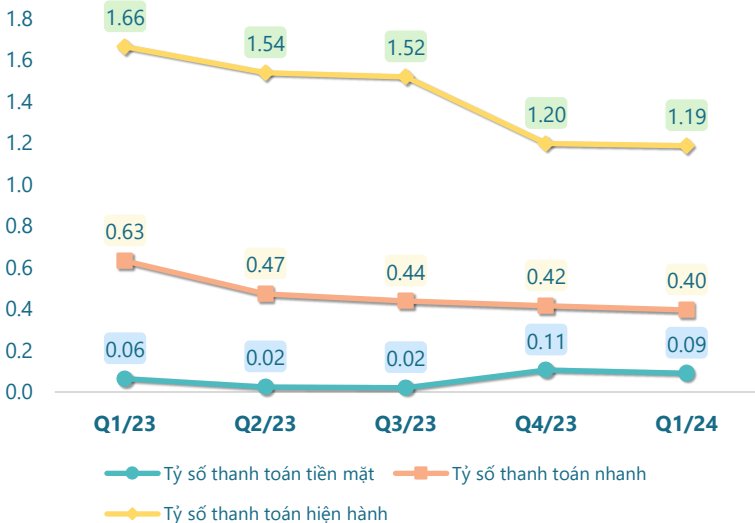


Tỷ suất lợi nhuận



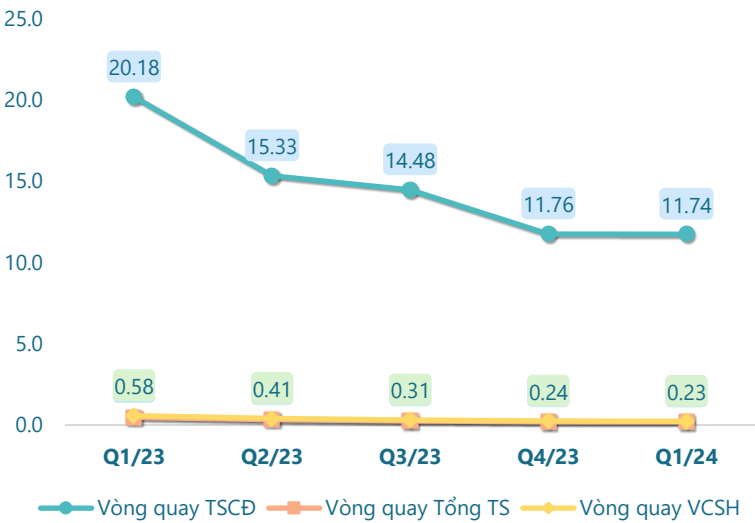
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



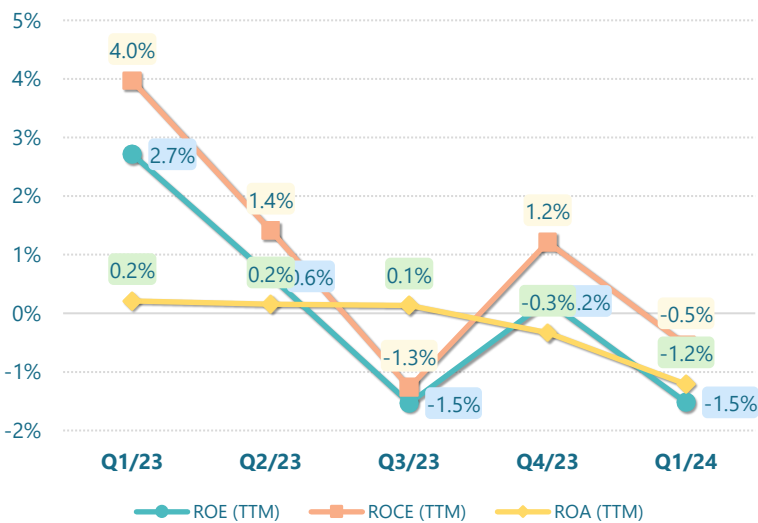
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



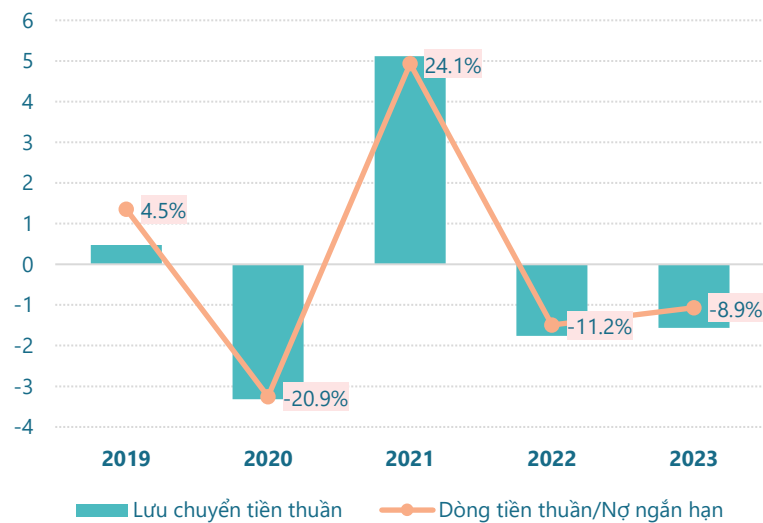
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



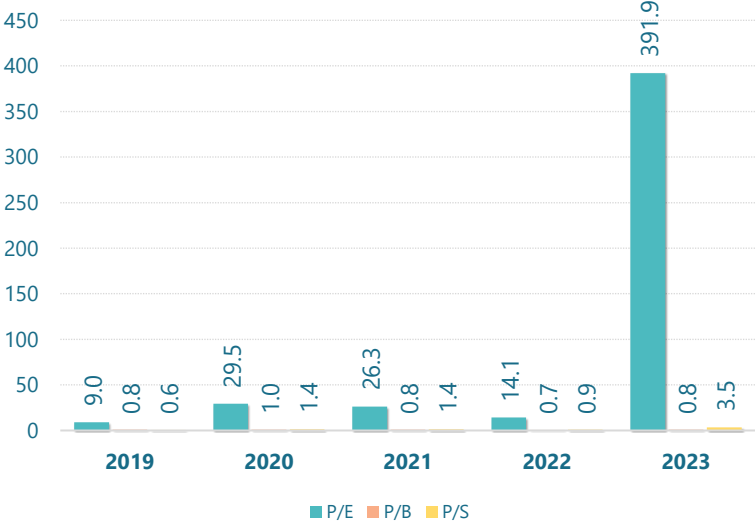
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)